

Biểu số: 06/TK-THA

Ban hành theo TT số:

08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN**

05 tháng/năm 2017

Đơn vị báo cáo: **Cục THADS tỉnh Lào Cai**

Đơn vị nhận báo cáo: **Trung tâm DLTT&TKTHA**

Tổng cục Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ: (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện * 100%
	Tổng số	Chia ra:				Có điều kiện thi hành												
		Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý			Tổng số	Chia ra:							Chưa có điều kiện hành				
							Tổng số	Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN		Trường hợp khác			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Tổng số	2.813	1.213	1.600	5	5	2.808	1.952	1.362	35	543	10			2	856	1.411	72%	
I Cục THADS tỉnh	107	55	52	2		105	69	50		17	2				36	55	72%	
1 Lục Xuân Diu	28	17	11	1		27	12	10		2					15	17	83%	
2 Tạ Thị Lan Anh	14	6	8	1		13	8	7		1					5	6	88%	
3 Nguyễn Thị Tuyết	11	1	10			11	11	9		2						2	82%	
4 Chu Thị Thúy Hằng	18	9	9			18	12	9		3					6	9	75%	
5 Quách Thị Thu Phương	24	17	7			24	14	8		4	2				10	16	57%	
6 Vũ Trường Trinh	12	5	7			12	12	7		5						5	58%	
7 Vũ Ngọc Phương																		
II Chi cục THADS huyện, TP	2.706	1.158	1.548	3	5	2.703	1.883	1.312	35	526	8			2	820	1.356	72%	
1 Thành phố Lào Cai	999	400	599			999	689	542	8	137	2				310	449	80%	
1.1 Đỗ Ngọc Ba	86	36	50			86	61	51		10					25	35	84%	
1.2 Hoàng Minh Tuấn	137	51	86			137	94	81	1	12					43	55	87%	
1.3 Đặng Đình Sử	124	50	74			124	86	71		13	2				38	53	83%	
1.4 Bùi Minh Nguyệt	135	42	93			135	100	84		16					35	51	84%	
1.5 Nguyễn Văn Đáng	148	76	72			148	88	59	1	28					60	88	68%	
1.6 Bùi Văn Yên	120	43	77			120	92	63	6	23					28	51	75%	
1.7 Nguyễn Thị Luyến	145	65	80			145	91	71		20					54	74	78%	
1.8 Vũ Thị Liễu	104	37	67			104	77	62		15					27	42	81%	
2 Huyện Bát Xát	173	53	120	1		172	126	89		37					46	83	71%	
2.1 Mai Xuân Hòa	23	1	22			23	22	15		7					1	8	68%	

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển ký sau	Tỷ lệ: (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện * 100%
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số	Có điều kiện thi hành											
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số	Chia ra:					Chưa có điều kiện hành					
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án		Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
2.2	Đỗ Anh Tuấn	47	19	28			47	28	19			9				19	28	68%	
2.3	Nguyễn Thị Thu Thùy	47	15	32	1		46	35	29			6				11	17	83%	
2.4	Nguyễn Thanh Tùng	56	18	38			56	41	26			15				15	30	63%	
3	Huyện Bảo Thắng	550	279	271	1		549	381	210	13	156			2	168	326	59%		
3.1	Hà Khắc Thắng	33	2	31			33	33	29			4				4		88%	
3.2	Phạm Đình Huy	134	62	72			134	105	50	4	51					29	80	51%	
3.3	Đặng Hồng Thái	118	77	41	1		117	58	36	1	21					59	80	64%	
3.4	Nguyễn Văn Mươi	150	79	71			150	111	52	6	51			2		39	92	52%	
3.5	Nguyễn Duy Hoàng	115	59	56			115	74	43	2	29					41	70	61%	
4	Huyện Bảo Yên	140	53	87			140	105	63	8	34					35	69	68%	
4.1	Phạm Quang Thiện	65	24	41			65	53	28	7	18					12	30	66%	
4.2	Hà Văn Hưng	75	29	46			75	52	35	1	16					23	39	69%	
5	Huyện Bắc Hà	133	29	104			133	113	90		23					20	43	80%	
5.1	Kiều Cao Hạnh	53	14	39			53	43	34		9					10	19	79%	
5.2	Nguyễn Quang Hiệp	33	4	29			33	30	25		5					3	8	83%	
5.3	Tạ Công Hùng	47	11	36			47	40	31		9					7	16	78%	
6	Huyện Văn Bàn	296	181	115	1		295	166	111	6	49					129	178	70%	
6.1	Nông Hữu Lan	87	56	31			87	50	34	4	12					37	49	76%	
6.2	Trần Văn Cẩm	100	67	33			100	53	37		16					47	63	70%	
6.3	Nguyễn Đình Thóa	109	58	51	1		108	63	40	2	21					45	66	67%	
7	Huyện Sa Pa	193	47	146		5	193	170	120		45	5				23	73	71%	
7.1	Ngô Minh Thăng	40	6	34			40	38	32		6					2	8	84%	
7.2	Nguyễn Xuân Hoàn	56	20	36		4	56	44	31		8	5				12	25	70%	
7.3	Hoàng Đăng Thiện	97	21	76		1	97	88	57		31					9	40	65%	

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ: (xong + đình chí)/ Có điều kiện * 100%
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số	Có điều kiện thi hành											
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số	Chia ra:										
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
<i>A</i>		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	
8	Huyện Mường Khương	183	102	81			183	110	66		43	1				73	117	60%	
8.1	Phạm Xuân Đạt	44	13	31			44	34	21		13					10	23	62%	
8.2	Nguyễn Hoàng Mai	84	48	36			84	50	31		18	1				34	53	62%	
8.3	Nguyễn Mạnh Hùng	55	41	14			55	26	14		12					29	41	54%	
9	Huyện Si Ma Cai	39	14	25			39	23	21		2					16	18	91%	
9.1	Sùng Quang Dũng	12	6	6			12	6	6							6	6	100%	
9.2	Hoàng Văn Bưu	27	8	19			27	17	15		2					10	12	88%	

Lào Cai, ngày 06 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Văn Anh

Lào Cai, ngày 06 tháng 3 năm 2017

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**